TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2022/DS-ST
Ngày:13-4-2022
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T-TỈNH LONG AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh T

2. Bà Nguyễn Ngọc Nh

-***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Anh K - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Th - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:13/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Cà N, xã Tân B, huyện T, tỉnh Long An.

2.*Bị đơn*: bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1989 và ông Đặng Văn Ch, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Cà N, xã Tân B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn Ch: bà Lê Thị Kiều T, sinh năm 1989 (có mặt). Địa chỉ: ấp Cà N, xã Tân B, huyện T, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà cho vợ chồng bà T và ông Ch vay tiền nhiều lần với thời gian như sau:

-Ngày 21/01/2021 âm lịch nhằm ngày 04/3/2021 vay 5.000.000đồng, ông Ch ký tên và hẹn 01 tháng trả;

-Ngày 28/01/2021 âm lịch nhằm ngày 11/3/2021 vay 5.000.000đồng, bà T và ông Ch ký tên hẹn 01 tháng trả;

-Ngày 29/01/2021 âm lịch nhằm ngày 12/3/2021 vay 10.000.000đồng, bà T và ông Ch ký tên hẹn 02 tháng trả;

-Ngày 02/02/2021 âm lịch nhằm ngày 14/3/2021 vay 02 lần, lần thứ nhất 50.000.000đồng và lần thứ hai vay 20.000.000đồng, tổng cộng 70.000.000đồng có hẹn 02 tháng trả tiền và trong biên nhận vợ chồng bà T đồng ý cầm căn nhà cho bà sử dụng.

Về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng 1,6%/ tháng. Trong ngày 14/3/2021 sau khi vay ông Ch trả lãi trước cho bà 6.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu bà T và ông Ch có nghĩa vụ trả 90.000.000đồng nợ gốc và lãi suất 1,6%/ tháng tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử. Còn đối với căn nhà vợ chồng bà T ghi trong giấy nhưng chưa giao và bà không sử dụng căn nhà, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Lê Thị Kiều T và ông Đặng Văn Ch, người đại diện theo ủy quyền của ông Ch là bà Lê Thị Kiều T trình bày: Vợ chồng bà có vay của bà H 90.000.000đồng thời gian và các lần vay như lời bà H trình bày. Trong lần vay tiền ngày 14/3/2021 vợ chồng bà trả cho bà H 6.000.000đồng tiền lãi (tính từ ngày 04/3/2021, ngày 11/3/2021, ngày 12/3/2021 và ngày 14/3/2021 của tiền gốc 70.000.000đồng). Do lãi suất thỏa thuận 5%/tháng nên ngày 14/5/2021 và ngày 14/6/2021 bà trả tiếp 02 lần 9.000.000đồng tiền lãi.

Nay đồng ý còn nợ bà H 90.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi hết nợ, còn về tiền lãi bà xin không trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Quan hệ tranh chấp:Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật chấp tranh "Hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, 35, 39 BLTTDS.

-Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

-Tư cách đương sự: Xác định tư cách đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

-Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm và đảm bảo các nguyên tắc xét xử.

-Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với Nguyên đơn, bị đơn đảm bảo và chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS năm 2015.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét

xử xem xét tại phiên tòa nhận thấy: Về nợ gốc, bà H yêu cầu bà T và ông Ch có nghĩa vụ trả 90.000.000đồng, do bà H đã cung cấp 05 biên nhận vay tiền ngày 04/3/2021 vay 5.000.000đồng; ngày 11/3/2021 vay 5.000.000đồng; ngày 12/3/ 2021 vay 10.000.000đồng và ngày 14/3/2021 vay 02 lần 70.000.000đồng có chữ ký bà T, ông Ch. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T thừa nhận có ký tên vào 05 biên nhận mượn tiền. Do đó có cơ sở xác định nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc bà T và ông Ch có nghĩa vụ hoàn trả bà H 90.000.000đồng.

Về lãi suất, 05 biên nhận vay tiền giữa bà H với bà T và ông Ch không xác định lãi suất, có xác định thời gian trả nợ nhưng bà H nhắc nhở nhiều lần bà T, ông Ch không trả là vi phạm nghĩa vụ, nên bà H yêu cầu tính lãi có căn cứ. Đồng thời đương sự trình bày ngày 14/3/2021 đã tạm ứng 6.000.000đồng tiền lãi trước cho bà H từ ngày 14/3/2021 đến ngày 14/7/2021 trên số tiền gốc 90.000.000đồng, do đó bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử là có cơ sở. Đối với lãi suất trong 05 biên nhận vay các bên không thống nhất mức lãi suất tại thời điểm vay, cho nên bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H và các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" giữa bà Nguyễn Thị H với bà Lê Thị KiềuT và ông Đặng Văn Ch là tranh chấp dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

[2.1]Đối với nợ gốc, trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H cung cấp chứng cứ 05 giấy biên nhận vay tiền của bà Lê Thị Kiều T và ông Đặng Văn Ch cụ thể như sau: Ngày 04/3/2021 vay 5.000.000đồng; ngày 11/3/2021 vay 5.000.000đồng; ngày 12/3/2021 vay 10.000.000đồng và 02 biên nhận ngày 14/3/2021 vay tiếp 70.000.000đồng, tổng cộng 90.000.000đồng. Ngoài ra tại phiên tòa bà H khai trong 05 biên nhận vay tiền vợ chồng của bà T đều có ký tên và hẹn thời gian trả tiền. Còn bà T và ông Ch trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà T đều thừa nhận có ký tên vay tiền của bà H đúng với thời gian và số tiền bà H đã khai. Như vậy sự thừa nhận nợ của bà T tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ mà bà H cung cấp cho Tòa án, nên có cơ sở xác định vợ chồng bà T và ông Ch còn nợ bà H số tiền 90.000.000đồng.

[2.2]Về thời gian trả nợ, đối với biên nhận vay ngày 04/3/2021 và ngày

11/3/2021 bà T và ông Ch có hẹn bà H 01 tháng trả, ngoài ra đối với biên nhận vay ngày 12/3/2021 ông bà hẹn 02 tháng trả và 02 biên nhận vay ngày 14/3/2021 bà T và ông Ch có hẹn 02 tháng trả lại bà H. Như vậy đối với 05 biên nhận vay nợ giữa bà H với vợ chồng bà T có xác định thời gian trả nợ, khi đến thời gian trả bà T và ông Ch không trả nợ nên bà H có nhắc nhỡ nhiều lần nhưng vợ chồng bà T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ với H. Tại phiên tòa bà H yêu cầu bà T trả 01 lần số tiền nợ 90.000.000đồng, còn bà T xin trả nhiều lần mỗi tháng 1.000.000đồng bà H không đồng ý, nên Kiểm sát viên đề nghị vợ chồng bà T có nghĩa vụ trả bà H 90.000.000đồng là có cơ sở.

[3] Về lãi suất, đối với số tiền lãi đã trả. Tại phiên tòa bà T khai sau khi vay 70.000.000đồng vào ngày 14/3/2021 vợ chồng bà có ứng trước 7.000.000đồng tiền lãi trả bà H, ngoài ra đến ngày 14/5/2021 và ngày 14/6/2021 bà trả 9.000.000đồng, tổng cộng trả bà H 03 lần 16.000.000đồng tiền lãi, nhưng bà T không đưa ra giấy tờ hoặc chứng cứ để chứng minh trả bà H 16.000.000đồng tiền lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H thừa nhận ngày 14/3/2021 ông Ch có ứng trước trả bà 6.000.000đồng tiền lãi của nợ gốc 90.000.000đồng với lãi suất là 1,6%/tháng thời gian tính từ ngày 14/3/2021 đến ngày 14/7/2021 đều này bà T thừa nhận tại phiên tòa và không yêu cầu tính lại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc trả lãi 6.000.000đồng giữa bà H với bà T.

[4] Còn về yêu cầu tiếp tục tính lãi, tại phiên tòa bà H yêu cầu bà T trả lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày15/7/2021 đến ngày xét xử. Xét thấy trong 05 biên nhận vay tiền giữa bà H với vợ chồng bà T tại thời điểm vay không ghi nhận lãi suất và tại phiên tòa bà H với bà T hai bên không thống nhất và không xác định mức lãi suất. Tuy nhiên do vợ chồng bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ bà H, nên bà H yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật có cơ sở theo đề nghị của Kiểm sát viên. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ", do đó lãi suất được tính bằng 10%/năm tức bằng 0,8333%/tháng tính từ ngày 15/7/2021 đến ngày xét xử là ngày 13/4/2022 là 08 tháng 28 ngày tính như sau:

90.000.000đồng x 0,8333% x 08 tháng 28 ngày = 6.699.732đồng tiền lãi. Từ nhận định trên buộc bà Lê Thị Kiều T và ông Đặng Văn Ch có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H tiền nợ gốc 90.000.000 đồng và tiền lãi 6.699.732đồng, tổng cộng 02 khoản gốc và lãi 96.699.732đồng.

Còn đối với căn nhà, theo biên nhận ngày 14/3/2021 có ghi "….nếu tôi không trả vợ chồng tôi đồng ý cầm căn nhà mình đang ở cho bà H sử dụng". Tại phiên tòa bà H khai trong biên nhận có ghi nhưng bà không có yêu cầu sử dụng và vợ chồng bà T chưa giao căn nhà, nên bà không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự: bà T và ông Ch có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bà H không phải chịu án phí nên được hoàn trả

lại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.Buộc bà Lê Thị Kiều T và ông Đặng Văn Ch có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị H, tổng cộng số tiền gốc và lãi 96.699.732đồng (*Chín mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS.

2.Về án phí: bà Lê Thị Kiều T và ông Đặng Văn Ch phải chịu 4.834.986đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả bà H 2.452.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004169 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn H